TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ R
Số: 443/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quận 12, ngày 05 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/5/2020 về tranh chấp "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975;
Địa chỉ: 20/45 đường APĐ09, Khu phố 1, phường L, Quận X, Thành phố R;

Bị đơn: Ông Huỳnh Phạm Quốc B, sinh năm 1970;
Địa chỉ: 20/45 đường APĐ09, Khu phố 1, phường L, Quận X, Thành phố R;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phạm Quốc B;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phạm Quốc B thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự có hiệu lực thì Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận H, Thành phố R cấp ngày 13/8/1999 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Thị Trúc P, sinh ngày 03/4/1995 (đã thành niên).

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà A đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0108854 cấp ngày 12/5/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố R. Hoàn lại cho bà A số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cao, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Quận X;
- Các đương sự;
- UBND Phường 17, quận H, Thành phố R ;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Nga